

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

1. *Phê bình sinh thái* (ecocriticism) còn gọi là “nghiên cứu xanh” với tư cách là một khuynh hướng phê bình văn hóa và văn học hình thành ở Mỹ vào những thập niên cuối của thế kỉ trước hiện đang nổi lên như một diễn ngôn phê bình liên ngành mang tính thân đời sống xã hội đương đại. Phê bình sinh thái mang sứ mệnh nhìn nhận lại văn hóa nhân loại, thông qua nghiên cứu, đánh giá tác phẩm văn chương để đánh thức trách nhiệm của con người trước nguy cơ xuống cấp của sinh thái tự nhiên và sự khủng hoảng của sinh thái tinh thần nhân văn. Phê bình sinh thái được coi là “bước chuyển ngoặt mục, đầy tính thích ứng của một bộ phận phê bình văn học trong bối cảnh khủng hoảng môi trường toàn cầu”. Sự ra đời của hướng nghiên cứu này đã và đang khẳng định được ý nghĩa tích cực trong hệ thống lý thuyết phê bình văn học hiện đại, không ngừng mở rộng và hiện đã trở thành một xu thế nghiên cứu mang tính toàn cầu.

Ở Việt Nam, việc vận dụng lý thuyết Phê bình sinh thái vào nghiên cứu và sáng tác văn chương đã khởi lên những năm gần đây và ngày càng nhận được nhiều quan tâm của giới nghiên cứu lẫn sáng tác. Nhiều cuộc hội thảo với những tầm vóc khác nhau đã được tổ chức như là một cách khẳng định ý nghĩa, vai trò của Phê bình sinh thái trong đời sống văn học đương đại. Giới nghiên cứu văn học trong các trường đại học cũng rất hào hứng tiếp cận với hướng nghiên cứu này. Lựa chọn hướng tiếp cận này, chúng tôi cố gắng đi từ những tác phẩm cụ thể để có cái nhìn sâu hơn về phê bình sinh thái, qua đó hi vọng góp phần minh định và xác lập vị thế của phê bình sinh thái trong hệ thống lý thuyết phê bình hiện nay.

2. Người Mường xuất hiện và cư trú lâu đời ở Việt Nam cùng với dân tộc Việt. Đây là cộng đồng dân tộc thiểu số có số lượng dân số đông thứ ba và phạm vi sinh sống phổ rộng chỉ đứng sau dân tộc Kinh. Tuy không có chữ viết riêng nhưng người Mường lại sở hữu

kho tàng văn hóa, văn học phong phú: những áng xường - rang thực sự là những áng thơ cổ, truyện thơ, tục ngữ, ca dao và đặc biệt là “mo” - sản phẩm văn hóa độc đáo với giá trị nhiều mặt. *Đẻ đất đẻ nước* (áng sử thi thường được sử dụng trong các đám mo) nói riêng, văn học dân tộc Mường nói chung bộc lộ trực giác sinh thái rất đậm nét. Đây dường như cũng là đặc tính phổ biến của các dân tộc thiểu số lấy thiên nhiên rừng núi làm không gian sinh hoạt cộng đồng. Sinh ra, lớn lên trong bầu “khí quyển” sinh thái hài hòa, các cây bút Mường hiện đại được hấp thụ nguồn “dinh dưỡng” quý giá ấy nên trong sáng tác của họ cũng bộc lộ cảm quan sinh thái rất rõ ràng.

3. *Mo Đẻ đất đẻ nước* giống như kho báu của người Mường. Các nhà nghiên cứu từng ngỡ ngàng trước sức hấp dẫn nhiều vẻ của Mo Mường. Góp phần tạo nên giá trị nhiều mặt của Mo Mường có nguyên nhân căn cốt từ ý thức kính trọng và sùng bái “tự nhiên” (natural). Những giá trị văn hóa đặc sắc nhất của người Mường đều xuất phát và gắn chặt chẽ với tự nhiên. Người ta tìm cách lý giải để sống chung, nương nhờ, hài hòa với tự nhiên, điều này đã làm nên cảm thức sinh thái đặc sắc trong tác phẩm. Đó cũng là lý do khiến sản phẩm văn hóa này vẫn luôn hiện hữu trong đời sống văn hóa của người Mường một cách bền bỉ, kỳ diệu, trở thành điểm tựa tinh thần, chi phối việc hình thành nếp nghĩ, định hướng nếp sống, nếp sinh hoạt, tạo nên những phong tục đẹp của cộng đồng dân tộc Mường.

Lực lượng sáng tác văn học Mường hiện đại khá đông. Điều đáng kể là, giá trị nổi bật trong sáng tác của họ bộc lộ đậm nét cảm quan sinh thái, biểu hiện qua tình yêu và sự gắn bó với bản mường. Tình yêu ấy thể hiện qua tình cảm tôn trọng, tự hào về thiên nhiên rừng núi quê hương, niềm kính trọng, ngưỡng mộ những phong tục tập quán nguyên sơ gắn với thiên nhiên, muôn vật, ở cách tư duy giàu màu sắc bản địa lấy thiên nhiên làm thước đo, chuẩn mực...

Từ góc nhìn lý thuyết phê bình sinh thái, luận án sẽ làm sáng tỏ sự độc đáo của bộ phận văn học Mường ở phương diện cảm thức sinh thái - phương diện cốt lõi làm nên sức sống lâu bền của một

vùng văn hóa, từ thực tiễn đến sáng tạo nghệ thuật, thông qua ngôn bản Mo *Đẻ đất đẻ nước* và các sáng tác văn học hiện đại.

4. Tiếp tục nghiên cứu Mo Mường - sản phẩm văn hóa xuất phát từ nghi lễ tín ngưỡng của bà con dân tộc Mường và sáng tác của các tác phẩm tiêu biểu người Mường, luận án sẽ góp phần đánh giá một cách đầy đủ tâm vóc, giá trị văn hóa và ý nghĩa của Mo *Đẻ đất đẻ nước* trong đời sống của cộng đồng người Mường, đồng thời chỉ ra nét văn hóa đặc sắc của dân tộc Mường trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu, luận án góp thêm tiếng nói khoa học vào việc xây dựng chiến lược bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa riêng độc đáo của cộng đồng các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

## **2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là: “Cảm quan sinh thái trong văn học Mường (*khảo sát qua Mo Đẻ đất đẻ nước và các tác phẩm văn học hiện đại*)”.

Phạm vi nghiên cứu và tư liệu khảo sát: Trên cơ sở quan điểm “sinh thái trung tâm luận” - tư tưởng hạt nhân của lý thuyết *Phê bình sinh thái*, luận án sẽ nghiên cứu, đánh giá, góp phần khẳng định sự độc đáo và những đặc sắc về nội dung và phương thức biểu hiện của diễn ngôn Mo *Đẻ đất đẻ nước* và một số tác phẩm của các tác giả Mường hiện đại.

Phạm vi tư liệu khảo sát: Vốn có nguồn gốc dân gian, Mo Mường hiện đang tồn tại nhiều văn bản khác nhau. Luận án sẽ chọn ngôn bản Mo *Sử thi và thần thoại dân tộc Mường* của nhóm Vương Anh biên soạn, làm tư liệu khảo sát chính. Thêm nữa, luận án chỉ sử dụng phần Mo *Đẻ đất đẻ nước* tương ứng với các phần sau trong bản Mo *Sử thi và thần thoại dân tộc Mường* là: *Mo trêu* và *Mo lên trời*.

Với các tác giả Mường hiện đại, luận án cũng sẽ khảo sát tác phẩm của các cây bút Mường tiêu biểu.

### **3. Mục tiêu và Nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục tiêu**

Luận án sẽ làm rõ cảm quan sinh thái trong mo *Đẻ đất đẻ nước* và trong tác phẩm của một số cây bút Mường tiêu biểu; Đồng thời thấy được ảnh hưởng của mo *Đẻ đất đẻ nước* tới các sáng tác của các cây bút Mường hiện đại ở phương diện cảm quan sinh thái. Qua đó, khẳng định cống hiến của văn học Mường với nền văn học dân tộc trong việc bảo lưu những giá trị văn hóa cốt lõi của dân tộc mình.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Thứ nhất, luận án xác định cơ sở lý thuyết và thực tiễn cho vấn đề nghiên cứu, như: Xác lập giới thuyết các khái niệm liên quan đến “cảm quan sinh thái”; Tổng quan về những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài;

Thứ hai, luận án sẽ nghiên cứu làm rõ cảm quan sinh thái trong mo *Đẻ đất đẻ nước* và trong tác phẩm của một số cây bút người Mường tiêu biểu.

Thứ ba, luận án sẽ đặt vấn đề liên hệ, đối chiếu để thấy được sự kế thừa, ảnh hưởng của mo *Đẻ đất đẻ nước* đến các tác phẩm văn học hiện đại ở phương diện cảm quan sinh thái.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp phân tích tác phẩm dân gian

Phương pháp thực địa điền dã

Phương pháp so sánh đối chiếu

Phương pháp nghiên cứu liên ngành

#### **5. Đóng góp mới của luận án**

Luận án là công trình chuyên khảo đầu tiên vận dụng lý thuyết phê bình sinh thái - xác lập một hướng nghiên cứu mới về mo *Đẻ đất đẻ nước* và một số tác phẩm văn học hiện đại tiêu biểu của các tác giả người Mường. Cụ thể, luận án sẽ tiến hành khảo sát, nghiên cứu, đánh giá ở những nội dung sau:

+ Xác định cơ sở lý thuyết và thực tiễn của cảm quan sinh thái trong mo *Đẻ đất đẻ nước* và trong tác phẩm của các cây bút Mường hiện đại tiêu biểu;

+ Làm rõ cảm quan sinh thái trong mo *Đẻ đất đẻ nước* và trong tác phẩm của một số cây bút Mường tiêu biểu.

+ Đối chiếu để thấy được sự kế thừa, ảnh hưởng của mo *Đẻ đất đẻ nước* đến các tác phẩm văn học hiện đại ở phương diện cảm quan sinh thái.

## **6. Bố cục luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận án có bố cục bốn chương như sau:

Chương 1: Tổng quan vấn đề nghiên cứu.

Chương 2: Người Mường và sử thi *Đẻ đất đẻ nước*

Chương 3: Cảm quan sinh thái trong *Đẻ đất đẻ nước*

Chương 4: Cảm quan sinh thái trong các tác phẩm văn học Mường hiện đại

## NỘI DUNG

### Chương 1. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

**1.1. Những khái niệm liên quan đến lý thuyết phê bình sinh thái; Cơ sở khoa học của nghiên cứu mô *Đề đất đề nước* và các tác phẩm văn học Mường hiện đại từ góc nhìn phê bình sinh thái**

***1.1.1. Những khái niệm liên quan đến lý thuyết phê bình sinh thái***

“Sinh thái” (Ecological) chỉ môi trường tự nhiên; “Phê bình sinh thái” (ecocriticism), còn có tên gọi khác là “Nghiên cứu xanh” hiện diện như một trường phái, một khuynh hướng phê bình văn học bắt đầu tại Mỹ thập niên 70 và mở rộng ra các nước phương Tây vào thập niên 80 ở thế kỷ trước.

Trên tinh thần của những định nghĩa, khái niệm về *sinh thái* và *phê bình sinh thái*, luận án hệ thống những đặc trưng của phê bình sinh thái như sau: chú trọng tác phẩm đề cao tự nhiên, ca tụng thiên nhiên, đặc biệt là thiên nhiên hoang dã; Tác động tích cực của thiên nhiên đến cuộc sống, tâm lý của con người; Gắn liền với hai cảm xúc trên là nỗi bất an trước nguy cơ thiên nhiên bị xâm hại.

“Cảm quan sinh thái” chính là “trực giác sinh thái”, bằng trực giác, con người cảm nhận vai trò, vị trí quan thiết của thế giới tự nhiên trong các mối liên hệ với cuộc sống của mình.

***1.1.2. Cơ sở khoa học của việc nghiên cứu “Đề đất đề nước” và các tác phẩm văn học Mường hiện đại từ lý thuyết phê bình sinh thái***

“Đề đất đề nước” - khởi đầu là sáng tác dân gian bộc lộ nhận thức của người Mường cổ về thế giới. Những cảm nhận của người Mường cổ về sự hình thành thế giới cho thấy, họ xem con người là sản phẩm của tự nhiên, là một phần bé nhỏ của tự nhiên. Đây là biểu hiện của triết lý sinh thái đậm nét của người Mường cổ (tuy còn ở dạng trực giác với biểu hiện hình thức thô sơ).

Sáng tác của một số tác giả Mường hiện đại cũng mang “cảm quan sinh thái” - thứ sinh thái trực giác đã có từ trong tâm hồn, máu

thịt của cộng đồng dân tộc người có cuộc sống gắn bó với thiên nhiên, trực giác sinh thái ấy trở thành tình yêu bản mường qua tình yêu cảnh quan thiên nhiên, yêu những phong tục tập quán văn hóa đã được gìn giữ truyền từ đời này sang đời khác. Đặc biệt, đến các cây bút Mường hiện đại, cảm quan sinh thái còn trở thành nhận thức về hệ lụy sinh thái bị xâm hại, tàn phá.

## **1.2. Tổng quan những vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài**

### **1.2.1. Tình hình nghiên cứu và vận dụng lý thuyết phê bình sinh thái vào nghiên cứu văn học ở Việt Nam**

Ở Việt Nam, Phê bình sinh thái được giới thiệu lần đầu tiên vào tháng 3 năm 2011. Trong khuôn khổ Hội thảo quốc tế với chủ đề “Tiếp cận văn học châu Á từ lí thuyết phương Tây hiện đại: Vận dụng, tương thích, thách thức và cơ hội”. Tiếp sau cuộc giới thiệu của Karen Thornber, các công trình dịch thuật và nghiên cứu lần lượt xuất hiện. Các Hội thảo được tổ chức, ứng dụng lý thuyết phê bình sinh thái vào nghiên cứu tác giả, tác phẩm thành trào lưu...

### **1.2.2. Tình hình nghiên cứu về *Mo Đẻ đất đẻ nước* và tác phẩm của một số tác giả Mường hiện đại**

*Hướng nghiên cứu có liên quan đến “mo Mường” và “Đẻ đất đẻ nước”*: *Đẻ đất đẻ nước* của người Mường trở thành ngôn bản chính thức vào năm 1973 do nhóm tác giả Vương Anh và Hoàng Anh Nhân sưu tầm và chuyển ngữ. Tiếp đó còn một văn bản khác. Từ đây, các công trình, bài viết nghiên cứu về mo Mường có cơ sở khai triển.

Có thể kể đến các bài báo khoa học của Phan Đăng Nhật.. Phan Đăng Nhật đã rút ra những giá trị cơ bản của *Đẻ đất đẻ nước*, như: bài học về tri thức, bài học về lịch sử, bài học về tình cảm đạo đức. Những bài học đó mang cốt lõi của tinh thần sinh thái. GS Phan Ngọc, trong bài viết “Qua *Đẻ đất Đẻ nước* ta thấy cả một nền văn hóa cổ đại Việt Mường”. Các nghiên cứu chủ yếu dành sự quan tâm đến thể loại, đặc điểm diễn xướng và các giá trị “sử thi” của *Đẻ đất Đẻ nước*. Mo Mường đã có sức hấp dẫn lớn và trở thành đối tượng nghiên cứu của giới khoa học mấy chục năm nay. Song, không thể phủ nhận

rằng, để nghiên cứu *Mo Đề đất để nước* quả không dễ, ngoài niềm đam mê, còn cần tới vốn tri thức và văn hóa bản địa. Hiện, chưa có bài viết hay công trình khoa học nào công bố về việc vận dụng lý thuyết phê bình sinh thái vào nghiên cứu *Mo Đề đất để nước*

*Hướng nghiên cứu về sáng tác của các cây bút Mường hiện đại*: trong số các cây bút Mường hiện đại, Vương Anh và Hà Thị Cẩm Anh là hai cây bút Mường xuất sắc và tiêu biểu nhất. Sáng tác của họ đã gây ấn tượng với độc giả, trở thành đối tượng nghiên cứu của giới chuyên môn. Các cây bút khác cũng nhận được sự quan tâm của bạn đọc.

### **Tiểu kết chương 1**

Chương một của luận án đặt giải quyết hai vấn đề: tìm hiểu cơ sở lý thuyết và thực tiễn của đề tài. Về cơ sở lý thuyết, luận án đã hệ thống một cách khái quát lý thuyết “phê bình sinh thái”, để nhận ra rằng tinh thần cốt lõi của nghiên cứu xanh chính là “sinh thái trung tâm luận” và nhà phê bình sinh thái là thúc đẩy/ giám sát việc dùng văn chương để bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo vệ trái đất.

Luận án xác định người Mường cổ đã có cảm quan sinh thái khi sáng tác *Đề đất để nước* và các cây bút Mường hiện đại cũng đã có trực giác sinh thái khi viết về không gian văn hóa của quê hương mình. Qua khảo sát thực tiễn, luận án nhận thấy, đến nay vẫn chưa có công trình chuyên sâu và hệ thống vận dụng lý thuyết phê bình sinh thái để tiếp cận và nghiên cứu *Mo Đề đất để nước* và tác phẩm của các tác giả Mường hiện đại.

## **Chương 2. NGƯỜI MUỒNG VÀ MO “ĐỀ ĐẤT ĐỂ NƯỚC” (TỀ TẮT TỀ RÁC)**

### **2.1. Người Mường và những tập tục đậm nét văn hóa sinh thái**

#### **2.1.1. Cộng đồng dân tộc Mường**

Người Mường tự nhận mình là “Nguơn” (Nguồn) và vẫn luôn tự hào về nguồn gốc của dân tộc mình, con cháu của Dịt Dàng (Dịt Dáng) cai quản thế giới ba tầng trời: *Mường Trời*, *Mường Giữa* và



*Mường Trần Gian.* Vậy “Mường” là gì? Đã từng xuất hiện ba cách hiểu. Luận án nghiêng về sự kết hợp nghĩa của hai quan điểm: “Mường”, vừa chỉ địa giới cư trú (Mường Bi, Mường Ôm, Mường Thạch, v.v...), vừa chỉ cộng đồng dân tộc có bản sắc văn hóa riêng (người Mường). Người Mường quần cư chủ yếu ở Hoà Bình và Thanh Hóa. Người Mường thích sống quần cư nơi đầu nguồn nước, dưới các thung lũng, ven các tán rừng, môi trường sống, sinh hoạt của người Mường hòa lẫn vào thiên nhiên. người Mường đã tạo dựng cho mình một không gian sống - sinh hoạt đậm sắc thái văn hóa sinh thái.

### **2.1.2. Những tập tục đậm nét văn hóa sinh thái của người Mường**

#### **2.1.2.1. Tập tục tôn trọng và thờ cúng các thần trong thế giới tự nhiên**

Môi trường sống của người Mường gắn bó chặt chẽ với thiên nhiên, vì vậy, đã hình thành trong cộng đồng này những phong tục, tập quán, tuân theo những quy tắc, quy định nghiêm ngặt để vừa khai thác vừa bảo vệ thiên nhiên. Trí tuệ của người Mường cổ đã hình thành cho con cháu mình niềm tin tín ngưỡng trước thiên nhiên, đây là cách thức tốt nhất để bảo vệ nòi giống, cộng đồng.

#### **2.1.2.2. Những tập tục trong đời sống văn hóa - xã hội**

- Tục “cúng vía” (bao gồm: xin vía, làm vía, buộc vía, gọi vía). Tục ngữ Mường: *Muốn giàu trồng dâu/ Muốn sống lâu phải làm vía.*

- Tục “mo” cho người chết (bao gồm: *Mo Vái* (Mo Vía), *Mo Trêu* (Mo T’lêu), *Mo lên trời*, *Mo nhẩn*). Các bước trong đám mo vừa bộc lộ giá trị nhân văn, vừa bộc lộ cảm quan sinh thái sâu sắc của người Mường cổ.

Tục “xin” và “cho”: Người Mường dạy con: *Cái ăn mấy cũng hết, cái ở mới lâu dài; Ăn nên ẻ (phân) ẻ (chia) nên ún nên mạng.*

Với người Mường, tục xin cho vẫn là một nét văn hóa đẹp, nó góp phần thắt chặt mối quan hệ giữa bà con dân bản, tạo nên

không gian nông ảm, thân thiện, một nền tảng vô cùng cần thiết và qua trọng đối với bà con dân tộc ít người trong điều kiện, hoàn cảnh sống rải rác, dựa vào thiên nhiên và dựa vào cộng đồng cư dân gần gũi cùng chung thói quen, tập tục, tín ngưỡng...

## **2.2. “Đề đất đề nước” trong mối quan hệ với Mo Mường**

### **2.2.1. Khái niệm “Mo” và ý nghĩa của mo trong đời sống sinh hoạt tín ngưỡng của người Mường**

#### *2.2.1.1. Khái niệm “Mo”*

“Mo” là gì? Theo khảo sát của chúng tôi, từ “mo” ba cách hiểu sau: là thứ lời khấn, bài khấn trước thần linh; Là “bài ca tang lễ” và “mo” chỉ nghi lễ diễn xướng cúng thần linh. Theo quan điểm của luận án, “Mo” là toàn bộ nghi lễ trong buổi cúng thần linh, bao gồm cả phần lời cúng và phần diễn xướng.

#### *2.2.1.2. Ý nghĩa của “Mo” và “Mo Lễ tang” trong đời sống tín ngưỡng người Mường*

“Mo” là nghi lễ tâm linh giống như liều thuốc tinh thần vô cùng cần thiết và ý nghĩa trong đời sống tinh thần của đồng bào Mường từ bao đời nay. Lời mo (bài khấn) không chỉ là lời ước vọng mà còn lời giao kết với thần linh và với chính người trong cuộc. Cùng với niềm tin trong nghi lễ, lời mo giúp cho cộng đồng người củng cố đời sống tinh thần, làm tăng niềm tin và nghị lực sống cho mỗi con người trước những thử thách của cuộc sống, giúp con người biết hướng thiện.

Trong các cuộc mo thì “Mo Lễ tang” là nghi lễ cuối cùng trong hệ thống nghi lễ vòng đời người Mường, cũng là nghi lễ quan trọng nhất. Hành trình đến với Mường Ma đồng thời là hành trình nhận thức của người Mường cổ. Đó là nhận thức về sống - chết, nhận thức về vũ trụ ba tầng trời, nhận thức về thế giới vĩnh hằng.

### **2.2.2. Vị trí của “Đề đất đề nước” (Tẻ Tất Tẻ Rác) trong Mo Mường**

“Đề đất đề nước” (*Tẻ Tất Tẻ Rác*) không phải “răng mo” bắt buộc trong lễ tang, vì vậy, có tính độc lập tương đối trong Mo. Nó chỉ là phần “thêm” trong những trường hợp cần kéo dài các đêm mo ở

những gia đình có điều kiện, tặng thêm phần bẻ thề, “sang trọng” cho gia chủ, hoặc được dùng trong các cuộc mo giữ vía người già. Tuy nhiên, vẫn là bộ phận có sự thống nhất chặt chẽ trong Mo Mường, vừa có ý nghĩa tâm linh, vừa có giá trị nhân văn sâu sắc.

### **2.2.3. “Đẻ đất đẻ nước” - thiên sử thi cổ sơ hùng vĩ**

*Đẻ đất đẻ nước* dài đến 476 trang với ngót ngàn câu, những câu chuyện dài kể quá trình hình thành thế giới tự nhiên và muôn loài trong đó có con người. Mặc dù không có sự trùng khít về cách san định các chương trong các bản sưu tầm, song, các bản đã công bố đều có các nội dung thể hiện diễn biến “đẻ đất đẻ nước” hình thành nên thế giới và xã hội loài người. Tính chất “anh hùng ca” trong *Đẻ đất đẻ nước* thể hiện trong quá trình tạo lập, xây dựng luôn phải cần đến bản lĩnh táo bạo, tiên phong, phẩm chất xả thân anh hùng. Ở đó có những anh hùng của cộng đồng, đại diện cho sức mạnh cộng đồng, đem lại lợi ích cho cộng đồng. Đây chính là thước đo phẩm chất người anh hùng sử thi.

#### **Tiểu kết chương 2**

Cùng với người Kinh - Việt, người Mường đã hiện diện từ rất sớm trên đất Việt Nam và đã hình thành những phong tục, tập quán lâu đời được đúc kết trong quá trình tổ chức cuộc sống, sinh hoạt. Những phong tục, tập quán ấy gắn bó chặt chẽ với môi trường sống, được chất ra từ hoàn cảnh sống, vì vậy, vừa là những kinh nghiệm quý báu trong đời sống thực tiễn cộng đồng, vừa có giá trị văn hóa nhân văn và văn hóa sinh thái sâu sắc.

*Đẻ đất đẻ nước*, thiên sử thi cổ sơ được vận dụng vào phong tục tín ngưỡng thờ cúng của người Mường được coi là minh chứng về nếp sống văn minh - văn hóa của người Mường cổ. Thiên sử thi ấy bộc lộ nhận thức và tư duy biện chứng của cộng đồng ấy thời cổ xưa về tính cố kết chặt chẽ, hợp lý và hài hòa trong thế giới muôn loài. Bảo vệ sự tôn nghiêm của sự cố kết chặt chẽ ấy là đáng “Thần Linh”, con người biết sợ Thần Linh chính là để bảo vệ trật tự, môi trường sống của chính mình.

### **Chương 3. CẢM QUAN SINH THÁI TRONG ĐỂ ĐẤT ĐỂ NƯỚC**

#### **3.1. Tự nhiên và con người có chung nguồn gốc**

##### **3.1.1. Quan niệm về vũ trụ và sự hình thành thế giới tự nhiên**

Chuyện "để đất" là chuyện "để" ra muôn loài, muôn hiện tượng, sự việc. Từ cách giải thích việc hình thành ra vạn vật trên mặt đất, người Mường cổ đã nhận thức về vũ trụ và thế giới tự nhiên với một tinh thần sinh thái sâu sắc. Đó là tinh thần bản nguyên hóa tự nhiên, có chung nguồn gốc, cùng "huyết thống tự nhiên".

Chuyện "Để nước" là nhận thức về tầm quan trọng của môi trường sinh thái. "Nước" là biểu tượng của môi trường sinh thái trong duy trì sự sống. "Để nước" đưa ra thông điệp về sự hài hòa.

Chuyện "để người" là nhận thức về vị trí của con người trong thế giới vạn vật. Qua chuyện "để người" cho thấy cả một quá trình nhận thức của người Mường về vũ trụ và sự sống muôn loài trong thế giới tự nhiên, về loài người, đồng thời, nhận thức về xã hội loài người, về các thành phần trong xã hội loài người.

Người Mường cổ muốn tìm cách giải thích cấu trúc vận hành bên trong của vũ trụ, tìm ra quy luật và ghi nhớ quy luật tự nhiên, "*Chia năm tháng*". Nhu cầu tìm ra quy luật của tự nhiên để thích ứng với môi trường là mong muốn thiết yếu của người dân thời cổ đại.

Như vậy, trong nhận thức của người Mường, vũ trụ khởi nguyên là khối thống nhất, quá trình hình thành vũ trụ, hình thành sự sống diễn ra từng chặng, từng bước theo quy luật. Vạn vật đều chung nguồn gốc do "Mẹ - Thiên nhiên" sinh ra, có mối liên hệ "huyết thống tự nhiên". Nhận thức ấy gửi đi thông điệp mang tinh thần sinh thái: hãy kính trọng Mẹ - Thiên nhiên, hãy biết ơn Mẹ - Thiên nhiên và từ đây xác lập, chuyển tải những thông điệp về đạo đức sinh thái mà luận án sẽ trình bày ngay sau đây.

##### **3.1.2. "Để đất để nước" chuyển tải thông điệp đạo đức sinh thái**

###### **3.1.2.1. Tôn trọng trật tự thế giới tự nhiên**

Tôn trọng trật tự thế giới tự nhiên là thông điệp trước nhất mà nhận thức về vũ trụ mang tinh thần sinh thái của *Để đất để nước*

muốn truyền dạy cho mai sau. Mỗi loài đều là một phần, có "vị trí" trong thế giới tự nhiên. Đây chính là tiền đề của đạo đức sinh thái. Người Mường cổ đã truyền dạy đạo đức sinh thái cho thế hệ sau bằng sự lý giải lớp lang về sự tôn nghiêm, ngôi thứ: cái gì ra trước, cái gì đến sau; cái đến trước ở "ngôi" trên, là anh, đến sau là "em", ngôi dưới. Trong thế giới tự nhiên do Mẹ - Thiên nhiên sinh ra, con người đến sau cùng. Loài người cần nhận thức được trật tự này, hãy tôn trọng và bảo vệ trật tự ấy.

### *3.1.2.2. Từ tôn trọng trật tự tự nhiên sang tôn trọng trật tự xã hội*

Khi vũ trụ đã hình thành cần phải gìn giữ một trật tự, ổn định, với xã hội loài người cũng vậy, trong đó quan trọng nhất là tìm ra "thủ lĩnh" - biểu tượng của tài và đức để dẫn dắt "chu chương mừng nước".

Thiết lập nên trật tự và kêu gọi tuân theo trật tự đó, người Mường đã bộc lộ nhận thức mang tinh thần sinh thái sâu sắc. Đó cũng là tinh thần duy vật biện chứng trong ứng xử với tự nhiên. Điều này khiến cộng đồng người Mường xây dựng và lưu giữ được những giá trị văn hóa đặc sắc.

## **3.2. Nhận thức Tự nhiên là một cộng đồng lớn**

### **3.2.1. Nhân cách hóa các thực thể tự nhiên**

Các thực thể trong thế giới tự nhiên trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước* đã được nhân cách hóa, tất cả tập hợp thành cộng đồng đích thực, hiểu biết tiếng nói của nhau, các loài vật biết nói năng, suy nghĩ, hành xử như người, hòa đồng, gần gũi, nương tựa vào nhau cùng chung sống. Những cuộc "nói chuyện", hỏi han, trao đổi, thậm chí mặc cả, giữa người và các loài vật diễn ra thường xuyên trong đời sống sinh hoạt, tạo nên tính dân chủ trong cộng đồng, bộc lộ mối quan hệ hòa ái giữa con người với loài vật và giữa các loài vật với nhau. Qua những cuộc "đổi thoại" trao đổi này có thể nhận thấy lý tính sinh thái của người Mường cổ trong nhận thức về chung sống giữa các loài trong cộng đồng Tự nhiên.

### ***3.2.2. Thế giới Tự nhiên luôn là "thầy" của con người trong thích ứng để tồn tại***

Trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước*, con người được hình thành sau chót so với muôn loài, vì vậy, kinh nghiệm sinh tồn rất ít ỏi. Là kẻ đến sau, để tiếp cận và học hỏi những kiến thức khôn ngoan trong Tự nhiên. Nói khác đi, loài vật trong Tự nhiên chính là "thầy" của con người trong quá trình thích nghi để tồn tại và phát triển, như chuyện làm nhà, lấy lửa, lấy nước, xin hạt giống, thậm chí tìm tài nguyên đặc biệt (cây chu)v.v...

Qua các câu chuyện kể về hành trình loài người xây dựng cuộc sống trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước*, cho thấy người Mường cổ đã sớm nhận thức về vị trí của Tự nhiên trong hành trình con người xuất hiện và khẳng định vị thế ấy từ thuở khai thiên lập địa.

### **3.3. Một số biểu tượng trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước***

#### ***3.3.1. Cây Tô - cây Mẹ biểu tượng của nguồn cội***

Sự xuất hiện đầu tiên trong cõi hỗn mang mờ mịt trong "Đẻ đất" chính là "cây xanh xanh" không lồ với những tín hiệu sự sống. Cây xanh xanh trở thành "cây Tô - cây Mẹ" của muôn loài. Từ "cây xanh xanh" trong chuyện "đẻ Đất" đến cây si trong chuyện "đẻ Người" cho thấy nhận thức muôn loài có chung nguồn cội, đều từ "cây Mẹ" "truyền" ra, phải chăng, chữ "nguồn cội" chính là bắt nguồn từ nhận thức mang tinh thần sinh thái này?

#### ***3.3.2. Trúng Chiêng/ trúng Tiếng biểu tượng nòi giống***

Chuyện "đẻ người" lần này như một cách "nhận thức lại" chuyện hình thành thế giới Tự nhiên của người Mường. Tuy cùng nhận thức và lý giải về nguồn gốc Tự nhiên, song, sắc thái của biểu tượng Trúng Chiêng đã khác với biểu tượng cây Si. Đến hình tượng Trúng Chiêng đã mang ý nghĩa biểu tượng cho nòi giống, dòng giống. Loài người, tuy sinh ra "cùng trúng", cùng là giống người - giống đặc biệt nhất trong các giống loài của thế giới Tự nhiên, nhưng, mỗi loại người, hạng người lại có một "nòi" khác nhau, được "nở" từ những trúng khác nhau. Nhận thức về giống, nòi bộc lộ tư duy ngày càng phát triển của người Mường cổ.

### **3.3.3. Cây Chu Đồng biểu tượng của tài nguyên thiên nhiên**

Một hình ảnh khác trở thành biểu tượng tự hào trong văn hóa của người Mường, đó là hình tượng cây Chu. Cây Chu chính là cây vàng, cây bạc - biểu tượng cho thứ khoáng sản, nguồn tài nguyên quý hiếm trong tự nhiên.. Từ "cây - tài nguyên" thành "cây - giàu sang, quyền lực". Cây chu vàng chính là cây thần, là "cây chu sang chu có", đem lại giàu sang, ước gì được nấy cho người sở hữu nó. Từ rất xa xưa, người Mường đã nhận thức một cách khôn ngoan về môi trường sinh thái. Rừng, với cộng đồng người Mường chính là "cây chu tà, lá chu đồng, bông thau quả thiếc". Câu chuyện về cây Chu như bài học đau đớn mà thấm thía về cách ứng xử với môi trường mà các thế hệ tiền bối muốn truyền lại cho cháu con.

#### **Tiểu kết chương 3**

Có thể coi sử thi *Đẻ đất đẻ nước* là một trong những bộ sử thi vĩ đại của loài người được sinh ra từ một cộng đồng dân tộc không có chữ viết riêng. Song, giống như các bộ sử thi lừng lẫy khác của nhân loại, đều xuất hiện khi con người còn chưa kịp nghĩ ra những ký tự để vĩnh cửu hóa trí tuệ và tâm hồn mình.

Cảm thức sinh thái trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước* bộc lộ qua nhận thức về vũ trụ với tư duy bản nguyên hóa tự nhiên. Từ trong sâu thẳm nhận thức, người Mường quan niệm Tự nhiên là một cộng đồng và đã nhân cách hóa tự nhiên tạo nên một thế giới bình đẳng và dân chủ giữa các giống loài. Dù là loài "khôn" nhất và "mạnh nhất", con người vẫn không thể tách ra khỏi thế giới tự nhiên mà vẫn luôn nhận sự hỗ trợ to lớn từ muôn loài, đó là lý do con người luôn phải dành cho muôn loài sự "vì nể" không hề nhỏ trong ứng xử. Tinh thần dân chủ trong nhận thức về thế giới muôn loài đã tạo nền tảng cho sinh thái tinh thần trong cuộc sống của con người trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước*.

*Đẻ đất đẻ nước* cũng đặt ra đạo đức và nguyên tắc mang tinh thần sinh thái. Hãy biết tôn trọng tự nhiên, tôn trọng quy luật của tạo hóa. Đó là do Mẹ - Tự nhiên vĩ đại sinh ra. Con người là giống sinh sau trong thế giới muôn loài, vì vậy, tôn kính tự nhiên chính là cách ứng xử thông minh và hợp lý nhất để gìn giữ thế giới tự nhiên phong phú và đẹp đẽ này.

## **Chương 4. CẢM QUAN SINH THÁI TRONG TÁC PHẨM NHỮNG CÂY BÚT MƯỜNG HIỆN ĐẠI**

Sinh ra và lớn lên trong không gian văn hóa thấm đẫm tinh thần sinh thái, từ trong hồn cốt của những người con cộng đồng Mường luôn có thiên nhiên thống ngự. Dễ hiểu tại sao trong thế giới nghệ thuật ngôn từ của các tác giả Mường hiện đại, “nhân vật chính”, đối tượng cảm xúc chính luôn là sự hòa nhập giữa con người với thiên nhiên hiện lên bằng cảm quan sinh thái. Đặc biệt, cảm quan sinh thái ấy còn được truyền lại từ kho tàng văn hóa của cha ông, kho sử thi “Đẻ đất đẻ nước”.

### **4.1. Thiên nhiên là đối tượng thẩm mỹ đặc biệt**

#### ***4.1.1. Thiên nhiên trong tác phẩm luôn đẹp đẽ và giàu cảm xúc***

Thiên nhiên quê nhà luôn thường trực trong tư duy, cảm xúc tác giả là điều thường bắt gặp trong sáng tác của các cây bút dân tộc ít người. Với các nhà văn dân tộc Mường, rất dễ nhận thấy, thiên nhiên luôn có vị trí không thể thiếu trong tác phẩm của họ, là đối tượng đặc biệt của cảm hứng sáng tạo. Đẹp đẽ và mộng mơ, thiên nhiên hiện lên bằng tình yêu và niềm tự hào. Đó là cảm thức sinh thái có từ trong tiềm thức, các tác giả đã “trộn” tình yêu thiên nhiên với tình yêu bản mường quê nhà, vì vậy, tình yêu đó luôn nồng nàn, da diết.

#### ***4.1.2. Thiên nhiên là bạn tâm giao, tri kỷ của con người***

Từ bao đời, cuộc sống luôn gắn bó với thiên nhiên, được thiên nhiên bảo trợ nên người Mường luôn coi thiên nhiên là bạn, các cuộc mo, những lần được nghe “Đẻ đất đẻ nước”, từ người già đến người trẻ luôn được nhắc nhở điều này, từ lúc nào, mỗi tâm hồn Mường đều khắc ghi điều ấy. Thiên nhiên trong tác phẩm của các tác giả Mường, không chỉ là đối tượng thẩm mỹ, mà còn là người bạn tâm giao, tri kỷ của con người. Những cánh rừng thâm u mênh mông có thể làm hoảng sợ những người xa lạ nhưng lại rất quen thuộc, gần gũi, trở thành tri kỷ của con người nơi đây. Trong cuộc sống của người Mường, khi vui cũng như khi buồn, luôn có thiên nhiên cùng đồng hành.



### ***4.1.3. Thiên nhiên góp phần hình thành nên tính cách, tâm hồn con người***

Người Mường luôn muốn so sánh vẻ đẹp của bản thân với vẻ đẹp của thiên nhiên, với sự hoàn hảo của tạo hóa. Thiên nhiên không chỉ tạo nên vẻ đẹp ngoại hình, mà còn tạo nên vẻ đẹp tâm hồn, tính cách. Các ả nàng cần mẫn như những con ong chăm chỉ, các trai Mường rắn rỏi, dũng mãnh trong xây dựng cuộc sống gia đình, bản mường. Thật khó tách bạch đâu là vẻ đẹp của thiên nhiên, đâu là vẻ đẹp con người khi hai đối tượng ấy đã hòa vào nhau. Cách biểu đạt của các cây bút thường nhập hai thành một, hoặc lấy đối tượng này để biểu đạt đối tượng kia. Vẻ đẹp của con người từ hình thức đến tâm hồn, tính cách có nguyên nhân sâu xa từ môi trường địa văn hóa. Giá trị địa văn hóa này cũng chính là cơ sở tạo nên tính bền vững của cộng đồng.

## **4.2. Thiên nhiên với tập tục văn hóa và cách biểu đạt**

### ***4.2.1. Thiên nhiên trong những tập tục văn hóa***

Quy luật của thiên nhiên được khám phá rồi vận dụng thành quy luật ứng xử của cộng đồng, từ đó tạo nên phong tục, tập quán của người Mường trong sinh hoạt đời sống, như: cưới xin, ma chay, cúng vía, làm ruộng, săn bắn, kết giao v.v... Vẻ đẹp của vùng văn hóa rùng luôn hòa đồng con người với thiên nhiên. Có thể nói, các tác giả đã viết về những giá trị văn hóa của quê hương mình bằng sự hiểu biết thấu đáo của một người con được nuôi dưỡng và trưởng thành từ chính những giá trị ấy. Những giá trị được đúc rút từ trong môi trường sống gắn bó, hòa quyện với thiên nhiên. Qua văn hóa phong tục càng thấy rõ hơn cảm quan sinh thái của dân tộc Mường, một cộng đồng dân tộc có nền văn hóa cổ kính rất đáng kính trọng.

### ***4.2.2. Thiên nhiên trong tư duy biểu đạt***

*Nhân cách hóa thiên nhiên, coi thiên nhiên như một “thành viên” trong đời sống sinh hoạt cộng đồng:* Tư duy này được lưu giữ từ ngàn xưa, có từ thời “đê đất đê nước”. Sự tham dự, chi phối của thiên nhiên vào cuộc sống con người qua bao đời tạo nên nếp nghĩ,

nếp ứng xử rất hồn nhiên và nồng ấm giữa con người với vạn vật chung quanh. Người ta hỏi thăm nhau xem đứa trẻ vừa sinh ra là "con đực hay con cái". Gọi người phụ nữ là "ả mái". Người Mường sẽ nhận ra nhau rất nhanh nếu họ nói với nhau như thế này: "Nhà nghèo có gì cúng nấy. Chỉ vài con gà chưa kịp đóng lông đuôi"; "Bố, mé ông tính tháng, tính năm bằng mỗi lần cây bương già ở chỗ mó nước của làng Chiềng Va bắt đầu rụng lá"...

*Trong thủ pháp so sánh - ẩn dụ, thiên nhiên luôn là đối tượng được so sánh:* Trong cách biểu đạt giàu hình ảnh của các cây bút Mường, thủ pháp được sử dụng nhiều nhất là so sánh - ẩn dụ, và đối tượng được coi là chuẩn mực để so sánh chính là các thực thể tự nhiên xung quanh môi trường sống. Nhân cách hóa thiên nhiên và luôn lấy thiên nhiên làm đối tượng so sánh tạo nên cách biểu đạt bằng hình ảnh quen thuộc của "người miền rừng". Đó là cách biểu đạt sinh động, gần gũi, thương mến. Nó kéo gần khoảng cách đối thoại, như ký hiệu riêng chỉ có người trong cộng đồng mới hiểu bởi những "ký hiệu" ấy xuất phát từ chính môi trường sống của họ và đây chính là sắc thái văn hóa độc đáo của cộng đồng này.

### **4.3. Khắc khoải nỗi đau sinh thái**

#### **4.3.1. Nỗi đau trước thiên nhiên bị hủy hoại**

Càng gắn bó với quê hương bao nhiêu, các tác giả càng thể hiện cảm xúc đau đớn bấy nhiêu khi cảnh sắc quê nhà không còn như xưa. Như đã nói ở trên, thiên nhiên đã hòa vào máu thịt tâm hồn nên mỗi khi thấy thiên nhiên bị hủy hoại là trái tim họ run lên xót xa.

Nhà văn là những người nhạy cảm nhất với môi trường sống - xã hội. Những cây bút Mường đã trở thành những nhà văn "sinh thái" từ lúc nào vì họ đã gắn với bản sắc văn hóa của cộng đồng được hình thành và nuôi dưỡng bằng môi trường sống tự nhiên nên luôn để lại tình cảm sâu nặng và sẽ đi theo người ta suốt đời.

#### **4.3.2. Nỗi khắc khoải trước nguy cơ "sinh thái tinh thần"**

Không chỉ là nguy cơ mà đã hiện hữu, tuy nhiên, mới chỉ xảy ra ở một vài trường hợp, mang tính bộ phận. Nhiều tác giả Mường có thơ về "vía", "gọi vía", vía với người Mường là linh hồn, là lương tri,

cảm xúc. "Mất vía" đồng nghĩa với mất đi nhận thức, tình cảm tốt đẹp và bị cuốn theo những lầm lạc, tội lỗi. Người Mường quan niệm ai bị hư hỏng, đi ngược lại với truyền thống mỹ tục cũng là một dạng bị đánh mất "vía". Kẻ bị "mất vía" chỉ còn thân xác không còn linh hồn, chết, làm "ma cô", "ma độc" đi lang thang vất vưởng, không được về thế giới Mường Trời. Các tác giả cũng đã chỉ ra, một trong những nguyên nhân khiến xứ Mường thay đổi, khiến bản sắc văn hóa thâm sâu của một cộng đồng được tạo dựng từ thời "đẻ đất đẻ nước" có nguy cơ bị xâm thực, bào mòn, có nguyên nhân từ cuộc mưu sinh bất đắc dĩ.

Cảm nhận khi thấy những giá trị và bản sắc văn hóa của cộng đồng mình có nguy cơ bị mài mòn, hủy hoại tạo nên tiếng nói đau đớn, khắc khoải trong sáng tác của các cây bút Mường hiện đại. Càng yêu quý, tự hào với quê hương bao nhiêu, tiếng nói da diết, càng khắc khoải bấy nhiêu.

Văn hóa chính là như vậy, không thể trộn lẫn, không thể mài mòn mà mãi bền vững. Một cộng đồng xây dựng được cho mình những giá trị văn hóa thì cộng đồng ấy có quyền kiêu hãnh và tự hào về những giá trị mang lại cho nhân loại.

#### ***Tiểu kết chương 4***

Có thể nhận thấy các cây bút Mường từ trong sâu thẳm tâm hồn và trái tim luôn thuộc về núi rừng, thung lũng, đồng nà quê hương. Đây cũng là điều rất đặc biệt. Nó cho thấy, văn hóa khi đã thấm vào tâm hồn đã trở thành máu thịt sẽ có khả năng tạo nên bản sắc văn hóa riêng và lưu giữ nó bền bỉ, vững chắc.

Điểm cốt lõi làm nên bản sắc văn hóa Mường được bộc lộ trong sáng tác của họ chính là tình yêu, niềm tự hào về quê hương gắn với không gian núi rừng, nương rẫy, gắn với những phong tập tập quán, với những biểu tượng văn hóa lâu đời. Vì vậy, cảm quan sinh thái từ trực giác đến tự giác đã có sẵn trong họ từ lúc nào.

Nghiên cứu cảm quan sinh thái trong tác phẩm của các cây bút Mường hiện đại cho thấy tiềm năng văn học sinh thái ở các cây bút Mường còn rất phong phú.

## KẾT LUẬN

Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên là đề tài “xa xưa” của văn học thế giới cũng như của văn học Việt Nam. Tuy nhiên, văn học sinh thái như một khuynh hướng mang tinh thần phản tư, hệ quả của phản ứng tất yếu khi môi trường ngày càng xấu đi do sự tác động của công cuộc “công nghiệp hóa, hiện đại hóa” thì mới chỉ thực sự bắt đầu.

Văn học đã "lên đường" đồng hành tích cực trong mục tiêu ngăn chặn nguy cơ sinh thái. Phê bình sinh thái, thông qua nghiên cứu, đánh giá tác phẩm văn chương, góp phần đánh thức trách nhiệm của con người trước nguy cơ sinh thái trở thành “một trào lưu tri thức” đã và đang khẳng định được ý nghĩa tích cực trong hệ thống lý thuyết phê bình văn học hiện đại, thành một xu thế nghiên cứu mang tính toàn cầu.

Được gợi ý từ một lý thuyết có tính thiết thực và hấp dẫn, luận án đã chọn đối tượng nghiên cứu: "Cảm quan sinh thái trong văn học Mường (khảo sát qua *Mo Đẻ đất đẻ nước* và trong tác phẩm của một số cây bút Mường tiêu biểu)" để tìm hiểu và cắt nghĩa ý thức sinh thái - ý thức tôn trọng và bảo vệ môi trường thiên nhiên cũng là môi trường sống đã được người Mường xưa tổ chức và bảo vệ như thế nào. Ý thức này đã tạo thành nếp sống, nếp nghĩ, bản sắc văn hóa của cộng đồng người Mường và được lưu giữ, truyền lại cho con cháu muôn đời sau và được các cây bút hiện đại tái hiện trong các trang viết.

Ý tưởng khoa học này đã được kết cấu trong bốn chương, hai chương đầu, luận án xây dựng nền tảng lý thuyết và thực tiễn của đề tài, những khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu, như: sinh thái, phê bình sinh thái, cảm quan sinh thái đã được thống kê, so sánh đối chiếu và luận giải tường minh. Cơ sở thực tiễn của đề tài, như: Khoảng trống khoa học của vấn đề nghiên cứu; Về cộng đồng dân tộc Mường với tín ngưỡng thờ cúng thiên nhiên; Vai trò, vị trí của sử thi *Đẻ đất đẻ nước* trong tập tục mo ðạm cảm quan sinh thái...

Chương ba của luận án phân tích và chứng minh rằng, người Mường cổ đã có cảm quan sinh thái khi sáng tác “Đẻ đất đẻ nước”. Việc lý giải về sự hình thành muôn loài, tất cả đều có chung "nguồn cội" là "Mẹ Tự nhiên - Mẹ Vũ trụ", loài người là thứ "sinh sau đẻ muộn", song là loài đặc biệt nhất và ghê gớm nhất. Qua thiên sử thi cổ sơ này, bộc lộ nhận thức và tư duy biện chứng của cộng đồng ấy thời cổ xưa về tính cố kết chặt chẽ, hợp lý và hài hòa trong thế giới muôn loài. Bảo vệ sự tôn nghiêm của sự cố kết chặt chẽ ấy là đáng “Thần Linh”, con người khôn ngoan biết khai thác tự nhiên, lợi dụng muôn loài để làm "lợi" cho mình nhưng cũng phải biết sợ "Thần Linh", bởi, sợ "Thần Linh" chính là để bảo vệ trật tự, môi trường sống của chính mình. Cách lý giải sự hình thành thế giới và nguyên tắc ứng xử mang trực giác triết lý sinh thái trong *Đẻ đất đẻ nước* thể hiện ứng xử thông minh của con người thuở sơ khai với môi trường sống và người xưa muốn truyền lại tri thức kinh nghiệm này cho hậu thế thông qua phong tục Mo - một hình thức tín ngưỡng thiêng liêng của người Mường.

Tri thức dân gian không chỉ ăn sâu vào tiềm thức, tâm hồn mà còn được minh chứng bằng thực tiễn đời sống. Các cây bút hiện đại thấu nhận được cả hai nguồn dinh dưỡng ấy. Từ trong nôi, qua lời ru của mẹ, của bà, họ đã được sống trong thế giới của *Đẻ đất đẻ nước*. Những đứa trẻ Mường khi lớn lên đã hình thành trong tâm khảm tình yêu, niềm tự hào về quê hương xứ sở, niềm biết ơn những cánh rừng, ngọn núi, con suối, dòng khe: “Thương xiết, thương nồng em ơi, thương mơi em à”. Những lời trong các bài xường, rang giống như loại hình dân ca của người Kinh dưới xuôi là những ánh trữ tình thể hiện tình cảm gắn bó da diết của con người với không gian núi rừng, đồng ruộng. Đó là lý do khi viết về bất cứ điều gì, dù là thực tiễn vui hay buồn, các cây bút Mường luôn liên tưởng đến thiên nhiên. Thiên nhiên là bạn, thiên nhiên là nơi che chở, thiên nhiên là nguồn sống, thiên nhiên hình thành nên văn hóa, và trên tất cả, thiên nhiên đồng nhất với nguồn cội. Trong cách tái hiện, các cây bút Mường hiện đại luôn lấy thiên nhiên làm chuẩn mực cho các giá trị cả hình thức lẫn tinh thần, từ ngôn ngữ đến hình ảnh biểu trưng... Từ trực giác sinh

thái đến ý thức sinh thái khi các cây bút bộc lộ nỗi đau sinh thái khi thiên nhiên quê nhà bị tàn phá, khi con cháu họ Dạ Dần không bảo vệ được không gian sinh tồn, thậm chí có kẻ còn bị ma đòi, ma núi lấy mất vía, phá mường, phá bản, phá phong tục tập quán của ông cha bao đời truyền lại. Chương bốn của luận án đã làm sáng tỏ sự tiếp nối của cảm quan sinh thái dẫn đến ý thức sinh thái trong tái hiện cuộc sống của các cây bút Mường hiện đại. Có thể cho rằng, từ trong huyết quản, các cây bút Mường đã luôn thuộc về văn học sinh thái, thế giới tự nhiên giờ đây, với họ, không chỉ là môi trường sống, mà là môi trường huyền thoại thiêng liêng chấp cánh cho những ý tưởng sáng tạo văn chương. Họ viết về quê hương, với họ, không chỉ là viết về nơi mình sinh ra, mà là viết về một không gian văn hóa - văn chương. Họ đang chung tay, lên tiếng để bảo tồn, gìn giữ không gian văn hóa ấy từ việc gìn giữ nền tảng cốt lõi: bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái của cộng đồng ấy.

## CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. **Hoả Diệu Thuý - Cao Thị Mai** (2022), “Từ văn hoá bản địa đến cảm thức sinh thái (khảo sát qua tác phẩm của Hà Thị Cẩm Anh)”, Tạp chí *Khoa học*, Trường Đại học Hồng Đức, số 58, tháng 4/2022.
2. **Cao Thị Mai** (2021), “Ý thức sinh thái của người Mường, nhìn từ tập tục văn hoá”, *Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*, Tạp chí của Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam, số 318-319, tháng 7-8/2021.
3. **Cao Thị Mai** (2021), “Phong tục người Mường - một sắc màu văn hoá đẹp”, Tạp chí *Văn hoá quân sự*, số 3/2021.
4. **Cao Thị Mai** (2017), “Đặc sắc trong áng Mo đẻ đất đẻ nước của người Mường” Tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*, số 394, tháng 4/2017.
5. **Cao Thị Mai** (2017), “Người Mường xứ Thanh và sự độc đáo của Mo Mường”, Tạp chí *Khoa học & Công nghệ Thanh Hoá*, số 1/2017.